



GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ/ NET ASSET VALUE OF THE FUND

Tại ngày 24 tháng 12 năm 2013/ As of 24 December 2013

Tên công ty quản lý quỹ/ Fund Management Company name: Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ đầu tư MB/ MB Capital Management Joint Stock Company

Tên ngân hàng giám sát/ Supervising bank name: Ngân Hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)/ HSBC Bank (Vietnam) Ltd

Tên Quỹ/ Fund name: Quỹ đầu tư trái phiếu MB Capital Việt Nam/ MB Capital Vietnam Bond Fund

Ngày định giá/ Valuation date: 25/12/2013

Ngày giao dịch/ Dealing date: 18/12/2013

Tên Quỹ/ Fund Name	Phí phát hành(% GTTSR trên một đơn vị quỹ)/ Subscription fee (% NAV per unit)	Phí mua lại (% GTTSR trên một đơn vị quỹ)/ Redemption fee (% NAV per unit)	GTTSR trên một đơn vị quỹ tại ngày định giá/ NAV per unit at valuation date	GTTSR trên một đơn vị quỹ tại ngày định giá kỳ trước/ NAV per unit at last valuation date	Thay đổi GTTSR trên một đơn vị quỹ so với kỳ trước (%)/ Change in NAV per unit as compared to the last period	Biến động GTTSR trên một đơn vị quỹ trong năm/ Changes in NAV per unit during 1 year		Tỷ lệ sở hữu của NĐTNN/ Foreign investors' ownership ratio		
						Mức cao nhất/ Highest level (VND)	Mức thấp nhất/ Lowest level (VND)	Số lượng đơn vị quỹ/ Number of fund units	Tổng giá trị tại ngày giao dịch/ Total value on dealing date	Tỷ lệ sở hữu/ Ownership ratio
MBBF	0.50%	0-2% (*)	10,799	10,763	0.33%	10,799	10,000	2,701,037.33	29,071,264,783	42.27%

Ghi chú/ Note:

(*) Mức phí mua lại CCQ là 0%, 1%, 2% phụ thuộc thời gian nắm giữ chứng chỉ quỹ trên 6 tháng, từ 03 đến 06 tháng, dưới 3 tháng/ Redemption fee is 0%, 1%, 2% based on period of fund units holding exceeding 6 months, from 03 to 06 months, below 3 months.

Ngân hàng giám sát/
Supervising Bank

Công ty quản lý quỹ/ Fund Management Company
Giám đốc tài chính/ Chief Finance Officer